

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2022/DS-ST
Ngày: 12/5/2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản, hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Châu Văn Bình**

2/ Ông **Phạm Thanh Danh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** - thư ký Tòa án nhân dân huyện C

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXX-ST ngày 27/4/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Võ Thành N** sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh TG

* Bị đơn: **Lê Hà X**, sinh năm 1990;

HKTT: ấp G, xã P, huyện T, tỉnh TG

Tạm trú: Ấp B xã S huyện C, tỉnh TG

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Võ Thị Cẩm T** – sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh TG

Các đương sự có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Võ Thành N** trình bày:

Ngày 30/9/2020 âm lịch tôi có cho chị X mượn số tiền là 100.000.000 đồng, tôi cho mượn và không tính lãi, thời hạn cho mượn là 20 tháng tính từ ngày 30/9/2020 âm lịch đến ngày 30/6/2022 chị X sẽ hoàn trả lại cho tôi số tiền trên. Chị X có làm biên nhận ngày 30/9/2020 cho tôi, chị X viết và ký tên vào biên nhận. Chị X hứa mỗi tháng trả 5.000.000

đồng trong vòng 20 tháng nhưng đến nay chị X chưa trả được khoản tiền nào. Tôi có yêu cầu chị X phải trả cho tôi số tiền trên nhưng chị X không trả và liên tục trốn tránh.

Ngoài ra, tôi có chơi dùm chị X một dây hụi do chị Võ Thị Cẩm T làm chủ hụi. Hụi khai ngày 25/10/2021 âm lịch. Sau khi hốt hụi thì chị X đóng được 13 phần hụi chết và sau đó không đóng nữa. Đến nay chị X còn nợ lại 12 tháng tiền hụi tương đương số tiền 75.000.000 đồng, chị X hứa mỗi tháng trả 5.000.000 đồng nhưng chị X không trả.

Tôi không đồng ý với lời trình bày của chị X. Chị X nợ tôi 100.000.000 đồng là có thật, chị X có viết và làm biên nhận cho tôi. Tôi không có nhận 70.000.000 đồng như chị X trình bày. Chị X chưa trả tôi khoản tiền nào đối với số tiền 100.000.000 đồng. Tôi không đồng ý cho chị X trả dần. Tôi yêu cầu chị X trả tôi 100.000.000 đồng 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị X có hộ khẩu thường trú tại ấp Gảnh, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Nhưng chị X có tạm trú ở ấp Bình Long, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang giải quyết vụ án tranh chấp giữa tôi và chị X.

Nay tôi xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 75.000.000 đồng. Tôi chỉ yêu cầu chị X trả cho tôi tiền vay 100.000.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Hà X trình bày:*

Tôi thừa nhận có viết và ký tên vào biên nhận ngày 30/9/2020 âm lịch mà anh N nộp cho Tòa án, tôi thừa nhận là có nợ anh N tiền. Ban đầu tôi chỉ nợ anh N 50.000.000 đồng nhưng sau đó không có tiền đóng lãi nên anh N yêu cầu tôi viết biên nhận nợ 100.000.000 đồng. Từ khi làm biên nhận nợ cho đến nay thì tôi đã trả cho anh N hàng tháng 5.000.000 đồng, tổng cộng là 14 lần (14 tháng) tương đương số tiền là 14 tháng x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng nhưng khi giao tiền cho anh N thì tôi không có làm biên nhận và cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh tôi đã trả cho anh N 70.000.000 đồng, tôi chỉ còn nợ anh N 30.000.000 đồng. Tôi xin trả dần số tiền 30.000.000 đồng trên, mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tôi không có giữ bất kỳ giấy tờ nào về việc tôi mượn tiền của anh N. Giấy tờ liên quan đến các khoản nợ anh N đều giữ.

Đối với số tiền hụi thì tôi không biết. Tại phiên hòa giải hôm nay thì anh N đã rút lại yêu cầu đối với số tiền hụi 75.000.000 đồng thì đó là việc của anh N, tôi không có ý kiến gì.

Tôi có hộ khẩu thường trú tại ấp Gảnh, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Nhưng tôi có tạm trú ở ấp Bình Long, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo tỉnh Tiền Giang giải quyết vụ án tranh chấp giữa tôi và N.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Cẩm T trình bày:*

Anh N kiện chị X không có liên quan gì đến tôi. Anh N là người trực tiếp chơi hụi của tôi nhưng anh N nói anh chơi dùm chị X nên tôi có tìm đến chị X và chị X có làm biên nhận cho tôi. Nhưng tôi không có khởi kiện trong vụ án này. Nếu có khởi kiện thì tôi sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Anh N rút yêu cầu khởi kiện đối với chị X về số tiền hụi tôi không có ý kiến gì, đó là việc của anh N và chị X.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh N khởi kiện yêu cầu chị X trả cho anh số tiền mà chị X vay và nợ hụi, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 430 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Do chị X tạm trú tại: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh TG nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang.

Anh N, chị X, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị X, chị T.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Anh N tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi là 75.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi của anh N đối với chị X số tiền 75.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện số tiền vay mà chị X vay của anh N ngày 30/09/2020 là 100.000.000 đồng thì anh N đã đưa ra biên nhận ngày 30/09/2020 thể hiện chị X có vay của anh N số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, trả trong vòng 20 tháng, anh N cho rằng từ khi vay đến nay chị X không trả cho anh bất kỳ khoản tiền nào. Còn chị X lại cho rằng chị chỉ vay của anh N 50.000.000 đồng nhưng lại làm biên nhận 100.000.000 đồng bởi vì anh N yêu cầu chị cộng thêm tiền lãi nhưng chị X lại thừa nhận biên nhận ngày 30/09/2020 là do chị viết và ký tên, ngoài ra, chị X cũng trình bày chị đã trả bớt cho anh N mỗi tháng 5.000.000 đồng, đã trả tổng cộng 70.000.000 đồng nay chỉ còn nợ lại anh N 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị X không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh là chị chỉ vay của anh N 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng là tiền lãi, căn cứ vào biên nhận ngày 30/9/2020 do chị X viết và ký tên nên Hội đồng xét xử xét thấy chị X có vay của anh N 100.000.000 đồng là có thật. Chị X trình bày đã trả bớt cho anh N tổng cộng 70.000.000 đồng, chỉ còn nợ anh N 30.000.000 đồng nhưng chị không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh và cũng không được anh N thừa nhận, cho nên yêu cầu khởi kiện của anh N là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn trả nợ: chị X cho rằng hoàn cảnh khó khăn, kinh tế bấp bênh nên chị xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến hết số nợ nhưng yêu cầu này không được anh N đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị X xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N được pháp luật bảo vệ nên cần buộc chị X trả cho anh N số tiền 100.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, anh N yêu cầu chị X trả số tiền 100.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của anh N được chấp nhận nên chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thành N đối với chị Lê Hà X với số tiền hui 75.000.000 đồng.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thành N.

Buộc chị Lê Hà X trả cho anh Võ Thành N số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Võ Thành N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Hà X chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Chị Lê Hà X phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Võ Thành N số tiền 4.375.000 đồng theo biên lai thu số 0005554 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C
- Chi cục THADS huyện C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

